TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 330/2025/QĐST-HNGĐ	*TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 9 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 212/2025/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2025 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

- Ông Trần T, sinh năm 1993, CCCD: 060093005728, ngày cấp: 20/5/2023, nơi cấp: CCSQLHCVTTXH.

Địa chỉ: A chung cư A B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Nguyễn Ngọc Hoàng N, sinh năm 1992, CCCD: 068192010242, ngày cấp: 10/7/2021, nơi cấp: CCSQLHCVTTXH.

Địa chỉ: D Tổ B, ấp D, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 91 ngày 29/5/2023 của Ủy ban nhân dân xã V, quận B (nay là xã T), Thành phố Hồ Chí Minh thì quan hệ hôn nhân giữa ông Trần T và bà Nguyễn Ngọc Hoàng N là hợp pháp, phù hợp với Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần T và bà Nguyễn Ngọc Hoàng N cùng trình bày: Ông, bà tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận kết hôn số 91, cấp ngày 29/5/2023.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được ba năm thì phát sinh mâu thuẫn do giữa hai bên không có đồng cảm, không có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Mặc dù hai bên đã cố gắng hòa giải nhưng các mâu thuẫn phát sinh ngày càng nhiều và không hòa giải được. Nay nhận thấy vợ chồng không thể hàn gắn và không thể tiếp tục cuộc sống chung nên ông bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho thuận tình ly hôn để ổn định cuộc sống riêng.

[3] Về con chung: Có 01 con tên Trần Trọng N1, sinh ngày 11/6/2023. Hai bên thỏa thuận giao trẻ Trần Trọng N1 cho bà N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Trần T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng, bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 11/2025 cho đến khi Trần Trọng N1 đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung: Không có.

[5] Về nợ chung: Không có.

[6] Xét thấy, yêu cầu thuận tình ly hôn của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật nên Tòa án công nhận.

[7] Về lệ phí Tòa án: Ông Trần T và bà Nguyễn Ngọc Hoàng N cùng chịu 300.000 đồng lệ phí.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự giữa:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần T và bà Nguyễn Ngọc Hoàng N thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao trẻ Trần Trọng N1, sinh ngày 11/6/2023 cho bà Nguyễn Ngọc Hoàng N trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Trần T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 (Ba triệu) đồng. Bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 11/2025 cho đến khi trẻ Trần Trọng N1 đủ 18 tuổi.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của bộ luật này, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của bộ luật này.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

2. Lệ phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do ông Trần T và bà Nguyễn Ngọc Hoàng N chịu được cấn trừ vào tiền tạm ứng lệ phí ông, bà đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0009545 ngày 15/8/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Các đương sự
- VKSND khu vực 4 TP.HCM;
- THADS TP. Hồ ChíMinh;
- UBND xã Tân Vĩnh Lộc, TPHCM;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hải Sâm